

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ KINH MÔN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/KDTM-ST

Ngày: 27-4-2022

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KINH MÔN, TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Đức Huân;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Chí Dũng;

2. Bà Đinh Thị Tin.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thăng Long - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Quách Thị Nền - Kiểm sát viên.

Ngày 27/4/2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 06/2021/TLST-KDTM ngày 10/11/2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2022/QĐXXST-KDTM ngày 10/02/2022, các Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2022/QĐST-KDTM ngày 09/3/2022 và số 03/2022/QĐST-KDTM ngày 07/4/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín; địa chỉ: Số 266-268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 8, Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch Diễm-Tổng giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Chí Toại-Trưởng Phòng kiểm soát rủi ro. *Có mặt tại phiên tòa.*

Bị đơn: Ông Trịnh Xuân Q1, sinh năm 1979 và bà Nguyễn Thị Đ1, sinh năm 1991; đều có địa chỉ: Khu dân cư VA, phường PT, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương. *Đều vắng mặt tại phiên tòa.*

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, lời khai và tại phiên tòa, nguyên đơn do ông Nguyễn Chí Toại đại diện trình bày:

Ngày 10/3/2020, Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Gọi tắt là: Sacombank) và vợ chồng ông Trịnh Xuân Q1, bà Nguyễn Thị Đ1 đã ký kết hợp

đồng tín dụng số LD2007000010; số tiền vay: 1.000.000.000đ (*Một tỷ đồng*), mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh máy móc, vật tư ngành nông nghiệp; thời hạn vay 12 tháng (*đến ngày 10/3/2021*). Tiếp sau đó, ngày 07/8/2020, hai bên tiếp tục ký kết hợp đồng số 202025563132; số tiền vay: 300.000.000đ (*Ba trăm triệu đồng*); mục đích vay: Bổ sung vốn kinh doanh máy móc, vật tư ngành nông nghiệp; thời hạn vay 12 tháng (*đến ngày 06/8/2021*); lãi suất 03 tháng đầu tiên kể từ ngày ký hợp đồng lần lượt là 9,5%/năm và 10.1%, sau đó được áp dụng theo mức lãi suất tiền gửi tiết kiệm VNĐ 12 tháng lãnh lãi cuối kỳ của Sacombank công bố tại thời điểm điều chỉnh + biên độ 3.0%/năm và 3.2%/năm được Sacombank quyết định điều chỉnh theo định kỳ 03 tháng/lần và 01 tháng/lần, và phù hợp với quy định của Ngân hàng nhà nước về lãi suất cho vay. Tổng số tiền Sacombank đã cho ông Trịnh Xuân Q1 và bà Nguyễn Thị Đ1 vay là 1.300.000.000đ (*Một tỷ ba trăm triệu đồng*).

Tài sản bảo đảm nghĩa vụ trả nợ cho các khoản vay là quyền sử dụng thửa đất số 311, tờ bản đồ số 04, diện tích 314,9m²; địa chỉ: Khu dân cư VA, phường PT, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang tên ông Trịnh Xuân Q1 cùng toàn bộ tài sản trên đất, theo Hợp đồng thế chấp tài sản LD2007000010/A ngày 10/3/2020, được thỏa thuận sửa đổi, bổ sung ngày 07/8/2020.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Trịnh Xuân Q1 và bà Nguyễn Thị Đ1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận của hợp đồng. Sacombank đã nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng phía ông Q1, bà Đ1 vẫn không có thiện chí trả nợ. Ngày 20/3/2021, Sacombank đã chuyển toàn bộ số nợ còn lại của ông Q1, bà Đ1 sang nợ Nhóm 2. Nay Sacombank khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Trịnh Xuân Q1 và bà Nguyễn Thị Đ1 phải thanh toán số tiền (tính đến hết ngày 12/7/2021) là 1.192.087.022đ, gồm: Nợ gốc 1.150.022.058đ; nợ lãi trong hạn 29.441.220đ; nợ lãi quá hạn 12.623.744đ và phải chịu lãi phát sinh kể từ ngày 12/7/2021 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán nợ theo mức lãi suất thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng đã nêu. Trường hợp ông Q1, bà Đ1 không trả được nợ hoặc trả không hết nợ thì ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi toàn bộ nợ cho ngân hàng.

Theo Biên bản ghi lời khai, đơn trình bày và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ, bị đơn-ông Trịnh Xuân Q1 trình bày:

Ông đã nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án của Tòa án qua đường bưu điện. Ông và bà Nguyễn Thị Đ1 có quan hệ là vợ chồng nhưng do phát sinh mâu thuẫn nên đã sống ly thân nhau hơn một năm nay, không có liên lạc gì với nhau. Vào năm 2017, ông có làm thủ tục đăng ký kinh doanh tại Phòng Tài chính - Kế hoạch, việc kinh doanh chủ yếu do một mình ông thực hiện.

Vào ngày 10/3/2020, ông có làm thủ tục vay tín dụng tại Sacombank - Chi

nhánh Hải Dương, số tiền vay là 1.300.000.000đ theo 02 hợp đồng tín dụng số LD2007000010 và 202025563132. Mục đích bổ sung vốn kinh doanh máy móc, vật tư nông nghiệp. Thời hạn vay là 12 tháng. Lãi suất thỏa thuận, được điều chỉnh 03 tháng/1 lần. Quá trình thực hiện hợp đồng ông đã thanh toán được 150.000.000đ nợ gốc và đều trả lãi đúng hạn theo thỏa thuận. Tuy nhiên, do tình hình đại dịch Covid ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động kinh doanh của gia đình ông. Bản thân ông bị nợ đọng vốn nên không thể thanh toán trả tiền gốc đúng hạn cho ngân hàng. Ông có đề nghị Sacombank tạo điều kiện gia hạn thời hạn trả nợ nhưng phía Sacombank không đồng ý và chuyển khoản nợ của ông thành nợ xấu. Khi vay vốn tại Ngân hàng thì các bên có ký kết Hợp đồng thế chấp số LD2007000010 theo đó tài sản bảo đảm cho khoản vay nêu trên là toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 311, tờ bản đồ số 04, địa chỉ: phường Phạm Thái, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương. Thửa đất đã được Cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp GCNQSD đất và quyền sở hữu nhà mang tên ông. Toàn bộ tiền vay của ngân hàng ông sử dụng vào mục đích kinh doanh riêng. Do khi làm thủ tục vay vốn tại ngân hàng bà Đào có quan hệ là vợ ông nên khi vay phía Sacombank yêu cầu phải có cả vợ và chồng tham gia ký kết. Sau khi ký hợp đồng tín dụng được một thời gian thì bà Đào bỏ đi sống ly thân với ông từ đó đến nay.

Nay Ngân hàng yêu cầu khởi kiện buộc vợ chồng ông phải có nghĩa vụ thanh toán tổng khoản nợ, tạm tính đến ngày 12/7/2021 là: 1.192.087.022đ, trong đó, nợ gốc: 1.150.022.058đ, lãi trong hạn: 29.441.220đ, lãi quá hạn: 12.623.744đ. Quan điểm của ông đồng ý trả khoản nợ nêu trên, không để Ngân hàng phải kê biên, phát mại tài sản thế chấp. Tuy nhiên, hiện nay tình hình kinh doanh vợ chồng tôi đang gặp khó khăn. Đề nghị ngân hàng cho thêm thời gian trả nợ và miễn lãi quá hạn cho ông.

Bà Nguyễn Thị Đ1 vắng mặt tại địa phương, Tòa án đã tiến hành cấp, thông đạt, thông báo các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

- Đại diện hợp pháp của nguyên đơn giao nộp bổ sung một số tài liệu, chứng cứ liên quan đến việc giải ngân số tiền 1.300.000đ của Sacombank cho bị đơn, việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc + lãi, thời điểm vi phạm nghĩa vụ, bảng kê tiền lãi của bị đơn (*tính đến thời điểm xét xử*); xác định việc điều chỉnh lãi theo định kỳ của Sacombank trên cơ sở nội dung thỏa thuận của hợp đồng và phù hợp với lãi suất của Ngân hàng Nhà nước, Sacombank không có nghĩa vụ phải thông báo cho bị đơn như Kiểm sát viên yêu cầu; nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải thanh toán trả Sacombank tổng số tiền, tính đến hết ngày 27/4/2022 là: 1.304.385.440đ. Gồm: Nợ gốc: 1.150.022.058đ; nợ lãi trong hạn:

1.851.324đ; nợ lãi quá hạn: 152.378.152đ; lãi phạt quá hạn: 133.906đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Kinh Môn phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử là đúng theo Bộ luật Tố tụng dân sự; việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của nguyên đơn là đảm bảo theo đúng quy định pháp luật; bị đơn chưa thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đại diện VKSND thị xã Kinh Môn xác định việc thu thập tài liệu, chứng cứ trong vụ án chưa đầy đủ, chưa có tài liệu thể hiện việc nguyên đơn thông báo việc điều chỉnh lãi định kỳ cho bị đơn, chưa có tài liệu xác định việc trả lãi định kỳ của bị đơn; chưa xác định được số nợ gốc bị đơn còn nợ nên không có căn cứ phát biểu về đường lối giải quyết vụ án và đề nghị HĐXX tạm ngừng phiên tòa để thu thập thêm các tài liệu, chứng cứ nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về tố tụng:

- *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của ông Trịnh Xuân Q1 và bà Nguyễn Thị Đ1 theo địa chỉ được ghi trong các Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp tài sản đã ký giữa các bên. Hiện bà Đào thay đổi nơi cư trú nhưng không thông báo cho nguyên đơn biết về nơi cư trú mới. Theo quy định tại Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì trường hợp này được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung; Sacombank khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông Q1, bà Đ1 phải trả số tiền gốc, lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa hai bên. Do đó, quan hệ tranh chấp được xác định là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ điểm b khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

- *Về sự vắng mặt của bị đơn:* Ông Q1, bà Đ1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

- *Về yêu cầu tạm ngừng phiên tòa và không phát biểu về đường lối giải quyết vụ án của Kiểm sát viên:* Tại phiên tòa, phía nguyên đơn đã cung cấp đầy đủ tài liệu, số liệu (sao kê) thể hiện việc Sacombank giải ngân tổng số tiền 1.300.000.000đ cho bị đơn; quá trình thực hiện hợp đồng về việc trả lãi định kỳ, trả một phần nợ gốc của bị đơn; thời điểm vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc, nợ lãi trong hạn của bị đơn và việc tính lãi quá hạn, lãi phạt trên cơ sở hợp đồng các bên đã ký kết. Bên cạnh đó, quá trình làm việc với Tòa án phía bị đơn cũng nhất

trí về số nợ gốc, nợ lãi (*tính đến ngày 12/7/2021*) mà nguyên đơn đã yêu cầu. Xét tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và do nguyên đơn giao nộp tại phiên tòa đã đủ căn cứ giải quyết vụ án nên đề nghị tạm ngừng phiên tòa và không phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên là không có căn cứ, vi phạm quy định tại Điều 262 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, HĐXX không chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên và tiếp tục xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2]. Xét Hợp đồng tín dụng số LD2007000010 ngày 10/3/2020; Hợp đồng tín dụng số 202025563132 ngày 07/8/2020; Hợp đồng thế chấp tài sản số LD2007000010/A ngày 10/3/2020; Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp số 01 ngày 07/8/2020 đã được công chứng tại Văn phòng Công chứng An Phú, Hội đồng xét xử thấy rằng: Các bên tham gia hợp đồng có đủ năng lực hành vi dân sự và tự nguyện giao kết hợp đồng, nội dung và mục đích của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Việc lập hợp đồng tín dụng được thực hiện đúng theo trình tự pháp luật về tín dụng ngân hàng; Hợp đồng thế chấp được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm tại cơ quan có thẩm quyền. Do vậy, các hợp đồng trên là hợp pháp và làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên.

[3]. Về nội dung tranh chấp:

3.1. Thực hiện hợp đồng, Ngân hàng đã giải ngân cho ông Q1, bà Đ1 tổng số tiền 1.300.000.000đ (*Một tỷ ba trăm triệu đồng*) thông qua các giấy nhận nợ ngày 11/3/2020 và 07/8/2020. Ông Q1, bà Đ1 đã nhận đủ số tiền vay và thực hiện việc trả lãi theo thỏa thuận. Đến ngày 10/3/2021, hạn trả nợ gốc đối với hợp đồng tín dụng LD2007000010, ông Q1, bà Đ1 đã thực hiện nghĩa vụ trả lãi (6.579.260đ) và trả một phần nợ gốc (1.914.271đ). Tiếp đó, đến ngày 06/8/2021, hạn trả nợ gốc đối với hợp đồng tín dụng ngày 07/8/2020 nhưng ông Q1, bà Đ1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Việc không thực hiện nghĩa vụ trả nợ của bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ theo các hợp đồng đã ký kết. Phía nguyên đơn nhiều lần đôn đốc việc trả nợ, nhưng bị đơn không trả được nợ và không hợp tác nên Sacombank khởi kiện vụ án đến Tòa án theo Mục 9 Các điều khoản chung về cấp tín dụng là có căn cứ.

3.2. Về số tiền gốc, tiền lãi chưa thanh toán, thời gian vi phạm nghĩa vụ:

- *Đối với hợp đồng tín dụng LD20077000010, số nợ gốc 1.000.000.000đ:*

Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn đã trả đầy đủ lãi định kỳ. Ngày 10/3/2021, đến hạn thanh toán nợ gốc nhưng bị đơn mới trả được số tiền 1.914.271đ. Ngày 16/3/2021, phía bị đơn thực hiện trả cho Sacombank số tiền 150.000.000đ. Trong đó trả nợ lãi trong hạn và lãi phạt quá hạn của hợp đồng tín dụng ký ngày 07/8/2020 lần lượt là 1.933.151đ và 3.178đ. Số tiền còn lại 148.063.671đ được trừ vào nợ gốc của hợp đồng LD2007000010. Như vậy, số nợ gốc bị đơn chưa thanh toán là: 850.022.058đ. Tính đến ngày 27/4/2022, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc là 413 ngày nên phải chịu lãi quá

hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng, số tiền lãi quá hạn là 124.386.921đ.

- Đối với hợp đồng tín dụng ký ngày 07/8/2020, số tiền vay 300.000.000đ:

Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn đã trả lãi định kỳ hàng tháng nhưng vi phạm nghĩa vụ trả gốc và lãi định kỳ vào ngày 06/8/2021, bị đơn mới trả được số tiền lãi 57.169đ, số nợ lãi vi phạm là 1.933.151đ. Như vậy, số nợ gốc bị đơn chưa thanh toán là: 300.000.000đ, lãi trong hạn chưa thanh toán là 1.933.151đ. Tính đến ngày 27/4/2022, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và nợ lãi trong hạn là 264 ngày nên phải chịu lãi quá hạn trên nợ gốc và lãi phạt quá hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng. Số tiền lãi quá hạn là 27.991.231đ, số tiền lãi phạt quá hạn là 133.906đ.

Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải toán trả tổng số tiền, tính đến hết ngày 27/4/2022 là: 1.304.385.440đ. Gồm: Nợ gốc: 1.150.022.058đ; nợ lãi trong hạn: 1.851.324đ; nợ lãi quá hạn: 152.378.152đ; lãi phạt quá hạn: 133.906đ là có căn cứ nên được chấp nhận.

3.3. Về xử lý tài sản thế chấp: Quyền sử dụng thửa đất số 311, tờ bản đồ số 04, diện tích 314,9m² và các tài sản trên đất; địa chỉ: Khu dân cư VA, phường PT, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang tên ông Trịnh Xuân Q1 là tài sản hợp pháp của ông Quảng, không có tranh chấp. Vì vậy, trường hợp ông Q1, bà Đ1 không trả được nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp nói trên để thu hồi nợ.

[4]. Về án phí, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ:

Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về chi phí này.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Các điều 30, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 264, 266, 267, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 280, 299, 317, 318, 320, 342, 351, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự; Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng thẩm phán thông qua ngày 07/10/2016; Nghị quyết 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín.

Buộc ông Trịnh Xuân Q1 và bà Nguyễn Thị Đ1 phải thanh toán trả Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín số tiền 1.304.385.440đ tính đến hết ngày

27/4/2022. Gồm: Nợ gốc: 1.150.022.058đ; nợ lãi trong hạn: 1.851.324đ; nợ lãi quá hạn: 152.378.152đ; lãi phạt quá hạn: 133.906đ.

Kể từ ngày 28/4/2022, ông Trịnh Xuân Q1 và bà Nguyễn Thị Đ1 phải chịu tiền lãi phát sinh của nợ gốc theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận tại các Hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, ông Trịnh Xuân Q1 và bà Nguyễn Thị Đ1 không trả được nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Sacombank có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng thửa đất số 311, tờ bản đồ số 04, diện tích 314,9m²; địa chỉ: Khu dân cư VA, phường PT, thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang tên ông Trịnh Xuân Q1 cùng toàn bộ tài sản trên đất để thu hồi nợ.

2. Về án phí: Ông Trịnh Xuân Q1 và bà Nguyễn Thị Đ1 phải chịu (đã làm tròn) 51.131.600đ (Năm mươi một triệu, một trăm ba mươi một nghìn, sáu trăm đồng) án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 24.000.000đ (Hai mươi bốn triệu đồng) theo Biên lai thu số AA/2020/0001162 ngày 29/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- VKSND thị xã Kinh Môn;
- Chi cục THADS thị xã Kinh Môn;
- Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Đức Huân